TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 10 – 01 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thanh Lịch
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa
Bà Mã Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2022/TLST-HS ngày 23/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/HSST-QĐ ngày 27/12/2022 đối với các bị cáo:

1. **Mạc Văn T**; Sinh ngày 26 tháng 11 năm 1994 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mạc Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Nông Thị B, sinh năm 1964; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. **Nông Văn H**; Sinh ngày 16 tháng 3 năm 1998 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn C, sinh năm 1964 và bà Lý Thị T, sinh năm 1967; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. **Nông Đình T**; Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1986 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Đình G (Tên gọi khác: Nông Đình S - đã chết) và bà Hứa Thị C, sinh năm 1962; Vợ: Hà Thị V, sinh năm 1989; Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Những người làm chứng:

- Triệu Ích N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Nông Đình Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 10/8/2022, tổ công tác Đồn Biên phòng Đ phối hợp với Công an xã Đ đang tuần tra tại khu vực xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện Mạc Văn T và Nông Văn H có biểu hiện nghi vấn, qua kiểm tra phát hiện và thu giữ: trong tay bên phải của Mạc Văn T 01 gói nhỏ ni lông màu xanh bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục vụn, Mạc Văn T khai là ma túy T vừa nhờ Nông Văn H đi mua với số tiền 300.000 đồng về sử dụng chung, Nông Văn H khai số ma túy này mua với Nông Đình T, địa chỉ: Xóm B, Xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; 01 điện thoại di động của Mạc Văn T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 039.06 của Mạc Văn T; 01 điện thoại di động của Nông Văn H; Tiền Việt Nam 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 10/8/2022, lực lượng chức năng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Mạc Văn T và Nông Văn H không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Khám xét chỗ ở của Nông Đình T phát hiện, thu giữ ở dưới gối đầu giường của Nông Đình T: 01 gói nhỏ ni lông màu đỏ bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục; Tiền Việt Nam 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng; 01 giấy gói ni lông màu đỏ.

Ngày 12/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng vụ án, kết quả: Số chất bột màu trắng thu giữ của Mạc Văn T là 0,30g (Không phẩy ba mươi gam); Khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét nhà ở của Nông Đình T là 0,84g (Không phẩy tám mươi tư gam).

Tại Bản kết luận giám định số: 235/KL-KTHS ngày 17/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: "*02 (hai) Mẫu chất bột màu trắng bên trong 02 (hai) phong bì niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại: Heroine*". Các bị cáo đều nhất trí với kết quả cân xác định khối

lượng vật chứng thu giữ và Kết luận giám định.

Tại phiên tòa các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H, Nông Đình T đều khai nhận được thực hiện các hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo Nông Đình T về số lần, số tiền, địa điểm mua bán ma túy.

Bản Cáo trạng số: 136/CT-VKSTK ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Mạc Văn T và Nông Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nông Đình T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Mạc Văn H, Nông Văn T, Nông Đình T về tội danh và các điều luật áp dụng như trong bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mạc Văn T và Nông Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mạc Văn T từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù; xử phạt bị cáo Nông Văn H từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Đình T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Đình T từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy các vật chứng là ma túy, giấy ni lông màu đỏ; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô của bị cáo Mạc Văn T, 01 (một) điện thoại di động của bị cáo Mạc Văn T, 01 (một) điện thoại di động của bị cáo Nông Văn H và số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Nông Đình T; Trả lại cho bị cáo Mạc Văn T số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng); Trả lại cho bị cáo Nông Đình T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H, Nông Đình T đều biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra về những vấn đề liên quan đến nội dung vụ án. Kiểm sát viên và các bị cáo không đề nghị hoãn phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt của những người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:* Căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với các vật chứng đã thu giữ; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng vụ án; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng; Biên bản đối chất và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được thu thập hợp pháp. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/8/2022 Mạc Văn T và Nông Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khối lượng 0,30g (Không phẩy ba mươi gam), mục đích để sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nông Đình T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để bản thân sử dụng và bán lại kiếm lời, khối lượng heroine đã thu giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo T là 0,84g (Không phẩy tám mươi tư gam), ngày 10/8/2022 bị cáo Nông Đình T bán ma túy cho bị cáo Nông Văn H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) khối lượng 0,30g (Không phẩy ba mươi gam) nên xác định tổng khối lượng ma túy của bị cáo Nông Đình T là 1,14g (Một phẩy mười bốn gam). Trước đó, bị cáo Nông Đình T đã bán heroine cho Triệu Ích N 01 lần 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); bán cho Nông Đình Đ 01 lần 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); bán cho Nông Văn H 03 lần, trong đó 02 lần đầu mỗi lần bán 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); lần cuối bán 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hành vi trên của bị cáo Nông Đình T đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H, Nông Đình T ra trước Tòa án là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] *Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Đối với bị cáo Mạc Văn T và bị cáo Nông Văn H, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có tính

chất nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi cố ý đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo có sự thống nhất về ý chí, hành vi của các bị cáo đã thực hiện có sự liên kết, bổ sung, hỗ trợ cho nhau và cùng chung một mục đích nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về khối lượng ma túy đã tàng trữ. Xét về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Mạc Văn T có vai trò tích cực hơn bị cáo Nông Văn H bởi bị cáo Mạc Văn T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nông Văn H đi mua ma túy về sử dụng chung, bị cáo Mạc Văn T còn trực tiếp mang tiền đến xóm H, xã Đ cho bị cáo Nông Văn H để H đi mua ma túy. Bị cáo Nông Văn H nghe theo lời bị cáo Mạc Văn T, cầm tiền của bị cáo Mạc Văn T đưa cho đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Do vậy, xét thấy tính chất, vai trò của bị cáo Mạc Văn T đã thực hiện trong vụ án này cao hơn bị cáo Nông Văn H nên mức hình phạt của bị cáo Mạc Văn T cần phải nghiêm khắc hơn bị cáo Nông Văn H và cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nông Đình T, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì để phục vụ cho nhu cầu của bản thân và mục đích kiếm lời nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo sau này trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H, Nông Đình T đều có nhân thân xấu, nghiện ma túy.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nông Đình T có bố đẻ là ông Nông Đình G (Tên gọi khác: Nông Đình S) được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhì; Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba nên bị cáo Nông Đình T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Do các bị cáo đều làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 02 (hai) phong bì thư đã được niêm phong là chất ma túy và 01 phong bì niêm phong bên trong là chất ma túy Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 (một) giấy ni lông màu đỏ bị cáo dùng để gói heroine là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động của bị cáo Mạc Văn T; 01 (một) điện thoại di động của bị cáo Nông Văn H, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (một) xe mô tô của bị cáo Mạc Văn T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo T, bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động của bị cáo Nông Đình T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nông Đình T;

- Đối với số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Mạc Văn T, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Mạc Văn T;

- Đối với số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nông Đình T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; Còn lại số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nông Đình T.

[7] *Các vấn đề khác:*

Về các đối tượng Triệu Ích N, Nông Đình Đ đã mua ma túy với bị cáo Nông Đình T để sử dụng, hành vi không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Công an huyện Trùng Khánh cần xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" đối với các đối tượng trên để đảm bảo phòng ngừa chung.

Về người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Nông Đình T, do không xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Hội đồng xét xử không đủ căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo quy định pháp luật khi có đủ căn cứ.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mạc Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

Xử phạt bị cáo Nông Văn H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

Tuyên bố bị cáo Nông Đình T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Đình T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- Chất bột màu trắng sau khi trích mẫu gửi giám định được gói trong giấy trắng, 01 (một) mảnh túi ni lông màu xanh được cho vào 01 (một) chiếc phong bì thư niêm phong lại, mặt trước phong bì ghi: "Vật chứng vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra tại xóm H – xã Đ – huyện T – Cao Bằng, ngày 10/8/2022", mặt sau có chữ ký của Nông Văn H, Mạc Văn T và chữ ký của các thành phần tham gia, đóng 04 (bốn) hình dấu mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Trùng Khánh;

- Chất bột màu trắng sau khi trích mẫu gửi giám định được gói trong giấy trắng, 01 (một) mảnh túi ni lông màu đỏ đậm và 01 (một) dây chun màu vàng được cho vào 01 (một) chiếc phong bì thư niêm phong lại, mặt trước phong bì ghi: "Vật chứng vụ Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại xóm B – xã Đ – huyện T - Cao Bằng", ngày 10/8/2022", mặt sau có chữ ký của Nông Đình T và chữ ký của các thành phần tham gia, đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Trùng Khánh;

- 01 (một) giấy ni lông màu đỏ được cho vào một phong bì thư chiếc phong bì thư niêm phong lại, mặt trước phong bì ghi: "01 (một) giấy ni lông màu đỏ thu giữ đối với Nông Đình T ngày 10/8/2022", mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia ký.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, số Imei 1: 868716031629092; số Imei 2: 868716031692092 được niêm phong trong một phong bì thư, mặt trước phong bì ghi: "Điện thoại di động tạm giữ của Nông Văn H ngày 10/8/2022", mặt sau phong bì có chữ ký của bị can H, chữ ký của những thành phần tham gia kiểm tra, niêm phong và đóng 04 (bốn)

hình con dấu mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, số Imei 1: 868057058520371; số Imei 2: 868057058520363 được niêm phong trong một phong bì thư, mặt trước phong bì ghi: "Điện thoại di động tạm giữ của Mạc Văn T ngày 10/8/2022", mặt sau phong bì có chữ ký của bị can T, chữ ký của những thành phần tham gia kiểm tra, niêm phong và đóng 04 (bốn) hình con dấu màu mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

- 01 (một) chiếc xe mô tô của Mạc Văn T, biển kiểm sát 11K1-039.06, xe mô tô đã qua sử dụng;

- Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Nông Đình T.

Trả lại cho bị cáo Nông Đình T:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng phím bấm, màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng, số sê-ri 1: 353117114385995, số sê-ri 2: 353117119385990 được niêm phong trong một phong bì thư, mặt trước phong bì ghi "Điện thoại di động tạm giữ của Nông Đình T ngày 10/8/2022", mặt sau phong bì có chữ ký của bị can T, chữ ký của những thành phần tham gia kiểm tra, niêm phong và đóng 04 (bốn) hình con dấu màu mực đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

- Số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Mạc Văn T số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Xác nhận toàn bộ vật chứng vụ án đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2022.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn H, Nông Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lịch